

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2025/DS-ST  
Ngày 16 tháng 7 năm 2025  
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường*  
*Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo và ông Trịnh Hồng Hải*  
*Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân*  
*khu vực 3 - Đà Nẵng.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*  
**Ông Đỗ Văn Quân**, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 356/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng bảo hiểm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 356/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1963, Địa chỉ: Số H đường T, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định (nay là số H đường T, phường B, tỉnh Gia Lai).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị A, sinh năm 1984; ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1997; cùng địa chỉ liên hệ: Phòng 710B, tầng G, khách sạn M, số A đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng và ông Trần Hoàng P, sinh năm 1999; địa chỉ liên hệ: Số A đường T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (theo 03 Giấy ủy quyền ngày 02/12/2024), đều có mặt.

\* **Bị đơn:** Tổng Công ty Cổ phần B (PTI). Địa chỉ: Số I, phố T, phường D, quận C, thành phố Hà Nội. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Đình Q và ông Lương Công Đ (theo Giấy ủy quyền ngày 24/9/2024), ông Q có mặt, ông P vắng mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Trịnh Công S, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định (nay là thôn A, xã P, tỉnh Gia Lai).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hồ Thị A, sinh năm 1984; ông Huỳnh Minh N, sinh năm 1997; cùng địa chỉ liên hệ: Phòng 710B, tầng G, khách sạn M, số A đường N, phường H, thành phố Đà Nẵng và ông Trần Hoàng P, sinh năm 1999; địa

chỉ liên hệ: Số A đường T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (theo 03 Giấy ủy quyền ngày 10/01/2025), đều có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào lúc khoảng 23 giờ 35 phút ngày 21/10/2022, xe ô tô khách mang biển số 77F-003.48 của nhà xe Ngàn H do tài xế Trịnh Công S điều khiển chạy tới gần đoạn đường K+700m QL1A thuộc địa phận thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận và gây tai nạn giao thông, với tốc độ khoảng 90km/h trong khi qui định cho phép tốc độ: 60km/h, cách cột mốc đường cho phép chạy tốc độ cao 90 km/h khoảng 100m về hướng khu dân cư.

Mức độ thiệt hại xe bị hư hỏng nặng và đã được Tổng Công ty cổ phần B (gọi tắt là P1) duyệt công nhận giá sửa chữa tại đại lý T1 ngày 29/12/2022 với số tiền: 614.467.828đ.

Chủ xe là ông Lê Văn T đã thực hiện các thủ tục và qui trình đề nghị PTI bồi thường tổn thất theo hợp đồng bảo hiểm số 002OTTN+220021852 ký ngày 17/02/2022; Tuy nhiên, ngày 13/11/2023 Văn phòng đại diện giám định bồi thường PTI tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành văn bản số 881/CV-TPI-VPĐD thông báo sau khi truy cập tài khoản giám sát hành trình của xe, kiểm tra tốc độ xe khi gây tai nạn là 101km/h so với tốc độ cho phép là 60km/h vượt tương đương 68,3% và từ chối bồi thường.

Căn cứ vào văn bản số 12069/SGTVT-VTĐB ngày 11/11/2022 của Sở GTVT thành phố H, kết luận giám định số 332/KL-KTHS ngày 07/2/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh; biên bản xác nhận cung cấp dữ liệu hành trình và tốc độ xe 77F-003.48 của công ty cổ phần N2 ngày 01/3/2023 đều khẳng định không tìm thấy dữ liệu hành trình, tốc độ khoảng thời gian từ 23 giờ 00 phút đến 23 giờ 55 phút.

Tuy nhiên, mặc dù có kết quả thông báo nêu trên nhưng PTI ban hành 02 văn bản số 157/CV-PTI-VPĐD ngày 27/03/2024 và văn bản số 219/CV-PTI-VPĐD ngày 19/4/2024 để từ chối chi trả bảo hiểm cho tôi với lý do dựa vào việc truy cập tài khoản giám sát hành trình.

Việc PTI kết luận xe có vận tốc 101km/h dựa vào việc truy cập trang giám sát hành trình và biên bản làm việc ngày 10/12/2022 giữa đại diện PTI và ông Nguyễn Đức Đ1 là không có cơ sở.

Tại điểm gây tai nạn cách biển báo hơn 100m lúc đó xe được phép lưu thông với tốc độ 90km/h nên rất dễ gây nhầm lẫn tốc độ. Vì vậy việc PTI không chi trả bảo hiểm cho chủ xe là không có căn cứ.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Tổng Công ty Cổ phần B chi trả tiền bồi thường bảo hiểm 327.603.943đ, trong đó: Tiền bồi thường bảo hiểm là 307.233.914đ, tiền lãi suất chậm trả bồi thường thường là 20.370.029đ. Cụ thể:

Căn cứ điều 13, mục 1.5, điểm b, quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới ban hành kèm Quyết định số 370/2018/QĐ-PTI ngày 26/12/2018 của Tổng giám đốc Tổng công ty Cổ phần B, bằng 50% số tiền: 614,467,828 VNĐ, chưa bao gồm VAT tương đương 307.233.914đ.

Căn cứ khoản 2 điều 7, qui tắc bảo hiểm do PTI ban hành, PTI phải trả tiền bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ trong trường hợp PTI cần tiến hành xác minh hồ sơ, tính từ ngày 13/11/2023 khi PTI ra thông báo số 881/CV-PTI-VPĐD đến nay là 242 ngày, với lãi suất tạm tính 10%/ năm. Số tiền được tính là: 20.370.029đ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi nội dung yêu cầu tính lãi, cụ thể yêu cầu tính lãi từ ngày 30.12.2023 đến ngày xét xử 16.7.2025 trên số tiền 307.233.914đ với mức lãi suất 10%/năm tương đương số tiền 47.559.809đ.

Tổng cộng số tiền yêu cầu gồm gốc và lãi là 354.793.723 đồng.

*\* Trong bản trình bày, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Ngày 17/02/2022, Công ty B1 (P1) - chi nhánh của Tổng Công ty Cổ phần B đã cấp Hợp đồng bảo hiểm số 002OTTN+220021852 cho xe ô tô BKS 77B-021.44, chủ xe là ông Nguyễn Ngọc L. Do xe thay đổi chủ sở hữu nên ngày 14/09/2022, P1 cấp GCNBH tự nguyện vật chất xe số 22TN220033255 cho chủ xe mới là ông Lê Văn T, xe ô tô mang BKS 77F-003.48 với nội dung như sau: Thời hạn bảo hiểm: Từ 15h00' ngày 17/02/2022 đến 15h00' ngày 17/02/2023; Số tiền bảo hiểm: 2.100.000.000đ (đã bao gồm VAT).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, theo thông tin từ lái xe/chủ xe cung cấp và hồ sơ Công an thì diễn biến tai nạn như sau: “Khoảng 23h 35' ngày 21/10/2022, tại Km 1676 + 700m QL 1A thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận, lái xe Trịnh Công S điều khiển xe 77F-003.48 lưu thông hướng P đi P. Khi đến địa điểm trên thì tránh ô tô phía trước lưu thông cùng chiều đang chuyển hướng qua đường nên băng qua đoạn mở dải phân cách chạy vào phần đường ngược lại, đâm vào xe khách 51B-116.31 đang lưu thông theo chiều ngược lại. Sau đó tiếp tục đâm vào 02 xe ô tô khách khác là 74B-006.66, xe 50F-029.54. Vụ tai nạn được Cơ quan CSĐT Công an huyện B thụ lý giải quyết.”

Về nguyên nhân tai nạn: Lỗi do ông Trịnh Công S điều khiển xe 77F-003.48 lưu thông đến khu vực đông dân cư, có biển báo cảnh báo nguy hiểm nhưng không giảm tốc độ theo quy định đã gây ra vụ tai nạn. Hậu quả: Hư hỏng 04 xe 77F-003.48, xe 51B-116.31, xe 74B-006.66, xe 50F-029.54 và 1 số hành khách bị thương.

Quá trình phía Công ty thực hiện việc giải quyết bồi thường cụ thể như sau:

- Ngày 22/10/2022, PTI nhận được thông báo tổn thất và cử giám định viên đến hiện trường ghi nhận vụ tổn thất xe 77F-003.48, biên bản giám định hiện trường có xác nhận của lái xe ông Trịnh Công S với nội dung: Lái xe mất lái đâm qua phía đường ngược lại va chạm với 03 xe khách lưu thông ngược chiều. Đoạn đường xảy ra tai nạn là khu vực đông dân cư, tốc độ cho phép là 60 km/h.

- Ngày 10/12/2022, PTI có buổi làm việc với đại diện chủ xe 77F-003.48 là ông Nguyễn Đức Đ1 và lập biên bản xác nhận các nội dung như sau: Căn cứ thông tin dữ liệu giám sát hành trình chủ xe cung cấp, sau khi chạy số liệu các bên ghi nhận tốc độ xe chạy tại thời điểm xảy ra tai nạn vào hồi 23h35' ngày 21/10/2022 của xe đạt 101 Km/h. PTI chưa thu thập được hồ sơ Công an nên chưa xác định phạm vi bảo hiểm.

- Ngày 28/12/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện B gửi Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 08 về vụ tai nạn ngày 21/10/2022 cho các bên liên quan.

- Ngày 13/11/2023, Căn cứ theo hồ sơ thu thập được, PTI đã phát hành Công văn số 881/CV-PTI-VPDD thông báo tổn thất xe 77F-003.48 xảy ra ngày 21/10/2022 gửi chủ xe ông Lê Văn T về việc vụ tổn thất không thuộc phạm vi bảo hiểm do xe vượt quá tốc độ cho phép thuộc điểm loại trừ bảo hiểm.

Từ những cơ sở trên, chúng tôi nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B chịu trách nhiệm bồi thường tổn thất cho tai nạn của xe 77F-003.48 ngày 21/10/2022 với tổng số tiền 327.603.943đ là không có cơ sở, bởi vì:

+ Căn cứ biên bản giám định hiện trường của giám định viên PTI lập có chữ ký xác nhận của lái xe Trịnh Công S xác định đoạn đường xảy ra tai nạn tại khu vực đông dân cư, tốc độ cho phép là 60 Km/h.

+ Căn cứ theo Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 89/KLĐT-ĐTTH của Cơ quan CSĐT Công an huyện B ngày 28/08/2023 kết luận: *Khoảng 23h35' ngày 21/10/2022, tại Km1676+700m QL1A thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận, Trịnh Công S điều khiển xe ô tô khách BKS 77F-003.48 chạy hướng P đi P đến địa điểm trên thuộc khu vực đông dân cư, có biển cảnh báo nguy hiểm nhưng không giảm tốc độ theo quy định...*

Theo quy định tại Điều 6 Thông tư 31/2019/TT-BGTVT của Bộ G quy định tốc độ tối đa cho phép xe cơ giới tham gia giao thông trong khu vực đông dân cư là 60 Km/h, đối với đường đôi, đường một chiều có từ hai làn xe cơ giới trở lên.

Căn cứ kết quả kiểm tra thông tin dữ liệu giám sát hành trình chủ xe cung cấp, sau khi chạy số liệu cho kết quả: *"tốc độ xe chạy tại thời điểm xảy ra tai nạn vào hồi 23h35' ngày 21/10/2022 của xe đạt 101 Km/h (vượt quá tốc độ tương đương 68,3 %)"*.

Theo nội dung ghi nhận tại các biên bản làm việc ngày 10/12/2022 và ngày 02/04/2024 giữa PTI với đại diện theo ủy quyền của chủ xe là ông Nguyễn Đức Đ1 đã xác nhận tốc độ xe 77F-003.48 tại thời điểm xảy ra tai nạn là 101 Km/h.

Như vậy, xe ô tô 77F-003.48 tại thời điểm xảy ra tai nạn đã chạy vượt quá tốc độ cho phép ở mức 68,3% trên đoạn đường xảy ra tai nạn, thuộc điểm loại trừ quy tắc bảo hiểm của PTI theo khoản 10, Điều 12 Quy tắc, biểu phí bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới số 370/2018/QĐ-PTI của Tổng công ty cổ phần B ngày 26/12/2018

*(Trích: “Điều 12. Những điểm loại trừ chung*

*PTI không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau:*

*10. .... Xe chạy vượt quá từ 50% trở lên tốc độ cho phép tại đoạn đường xảy ra tai nạn.”)*

- Đồng thời, căn cứ theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp B2 kinh doanh bảo hiểm thì việc PTI từ chối bồi thường đối với tổn thất của xe 77F-003.48 xảy ra ngày 21/10/2022 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật và hợp đồng bảo hiểm đã ký kết.

*(Trích: “1. Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền:*

*d). Từ chối trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm.”*

Do đó, chúng tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*\* Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Công S là ông Huỳnh Minh N trình bày:*

Ông Trịnh Công S là người trực tiếp điều khiển xe ô tô khách 77F-003.48 vào lúc 23h35' ngày 21/10/2022, chiếc xe ô tô này do ông Lê Văn T đứng tên chủ sở hữu. Tại thời điểm gây tai nạn, ông S điều khiển xe với tốc độ khoảng 90km/h, vụ án tai nạn giao thông này hiện đã được Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử theo Bản án số 98/2023/HS-ST ngày 22/11/2023.

Việc ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B bồi thường tiền bảo hiểm do xe ô tô trên bị hư hỏng thì tôi đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B bồi thường số tiền gốc 207.593.914đ sau khi trừ số

tiền của 02 hóa đơn bán lẻ không hợp lệ và tiền lãi từ 30.12.2023 đến ngày xét xử là 31.940.500đ, đồng thời không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 115.259.309đ.

Án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử xét thấy:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm, chi nhánh của bị đơn có trụ sở tại Tòa nhà B đường N, quận T, thành phố Đà Nẵng, nay là số B đường N, phường T, thành phố Đà Nẵng nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đà Nẵng tại phiên tòa thể hiện: Ông Lê Văn T là chủ sở hữu xe ô tô hiệu THACO, biển kiểm soát 77F – 003.48 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 77 010984 do Công an tỉnh B cấp ngày 18.3.2022. Ông T thuê ông Trịnh Công S điều khiển xe chở khách tuyến Bình Định - thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 17/02/2022, Công ty B1 (P1) - Chi nhánh của Tổng Công ty Cổ phần B đã cấp Hợp đồng bảo hiểm số 002OTTN+220021852 cho xe ô tô BKS 77B - 021.44, chủ xe là ông Nguyễn Ngọc L. Do xe thay đổi chủ sở hữu nên ngày 14/09/2022, P1 cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện vật chất xe số 22TN220033255 cho chủ xe mới là ông Lê Văn T, xe ô tô mang BKS 77F - 003.48 với nội dung như sau: Thời hạn bảo hiểm: Từ 15h00' ngày 17/02/2022 đến 15h00' ngày 17/02/2023; Số tiền bảo hiểm: 2.100.000.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng bảo hiểm được ký kết giữa chủ xe ông Lê Văn T với Tổng Công ty Cổ phần B là hợp đồng dân sự được ký kết tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ, các bên tham gia trong giao dịch này phải tuân thủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Trong quá trình điều khiển xe chở khách, ông Trịnh Công S đã gây tai nạn giao thông, cụ thể: Vào khoảng 23 giờ 35 phút, ngày 21/10/2022, tại Km 1676 + 700m Quốc lộ A thuộc thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận, lái xe Trịnh Công S điều khiển xe 77F - 003.48 lưu thông hướng P đi P. Khi đến địa điểm trên thì

tránh ô tô phía trước lưu thông cùng chiều đang chuyển hướng qua đường nên băng qua đoạn mở dải phân cách chạy vào phần đường ngược lại, đâm vào xe khách 51B - 116.31 đang lưu thông theo chiều ngược lại. Sau đó tiếp tục đâm vào 02 xe ô tô khách khác là 74B - 006.66, xe 50F - 029.54. Vụ tai nạn đã được các cơ quan tiến hành tố tụng huyện B giải quyết. Sau khi tai nạn xảy ra, chủ xe đã liên hệ Công ty B1 để làm các thủ tục bồi thường theo thỏa thuận. Ngày 29/12/2022, Tổng Công ty Cổ phần B đã phê duyệt công nhận giá sửa chữa xe ô tô 77F – 003.48 tại đại lý T1 với số tiền 614.467.828đ, chưa bao gồm VAT. Tuy nhiên, khi chủ xe tiến hành sửa chữa xe thì Công ty bảo hiểm không đồng ý chi trả tiền bảo hiểm vì cho rằng tốc độ xe chạy tại thời điểm xảy ra tai nạn vào hồi 23 giờ 35 phút, ngày 21/10/2022 đạt 101 Km/h, vượt quá tốc độ tương đương 68,3 % nên công ty bảo hiểm căn cứ khoản 10, Điều 12 Quy tắc, biểu phí bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới số 370/2018/QĐ-PTI của Tổng Công ty Cổ phần B ngày 26/12/2018 quy định: Xe chạy vượt quá từ 50% trở lên tốc độ cho phép tại đoạn đường xảy ra tai nạn thì Công ty B1 sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nên đã từ chối chi trả bồi thường cho chủ xe. Hội đồng xét xử xét thấy, thời điểm xe ô tô gây tai nạn là 23 giờ 35 phút, ngày 21/10/2022, xe ô tô có gắn thiết bị theo dõi hành trình nhưng theo kết luận Giám định của Phân viện KHHS tại thành phố Hồ Chí Minh tại văn bản số 332 ngày 07.02.2023; Văn bản số 12069 ngày 11.11.2022 của Sở Giao thông Vận tải thành phố H và văn bản số 01032023 NASIA ngày 01.3.2023 của Công ty Cổ phần N3, là đơn vị cung cấp thiết bị Giám sát hành trình cho xe ô tô 77F – 003.48 đều xác nhận không tìm thấy, không có dữ liệu về hành trình, tốc độ trong khoảng thời gian từ 23 giờ 00 phút đến 23 giờ 55 phút ngày 21.10.2022 của xe ô tô 77F - 003.48. Như vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định xe ô tô 77F - 003.48 lúc gây tai nạn chạy tốc độ 101 km/h. Việc Công ty B1 cho rằng, khi tai nạn xảy ra, công ty đã kiểm tra thiết bị giám sát hành trình và xác định tốc độ xe lúc đó là 101 km/h là không có căn cứ vì đó là tài liệu không chính thống và không được cơ quan chức năng xác định mà do Công ty B1 tự xác định dựa trên việc tự kiểm tra thiết bị giám sát hành trình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Theo Kết luận điều tra của Công an huyện B, Cáo trạng của VKSND huyện Bắc Bình và nội dung bản án của TAND huyện Bắc Bình đều xác định tốc độ ô tô lúc gây tai nạn là khoảng 90km/h nhưng đó cũng không phải là kết quả chính xác hay không vì không có tài liệu, chứng cứ nào của cơ quan có thẩm quyền xác định chính xác tốc độ của xe ô tô lúc gây tai nạn là bao nhiêu. Tuy nhiên, thực tế là xe ô tô 77F – 003.48 gây tai nạn là có thật, thiệt hại cho xe ô tô là có thật và chủ xe đã bỏ ra chi phí để sửa chữa xe ô tô, xe ô tô có tham gia mua bảo hiểm vật chất nên Công ty bảo hiểm có nghĩa vụ phải chi trả bồi thường thiệt hại cho chủ xe là phù hợp quy định trong Quy tắc, biểu phí bảo hiểm tự nguyện xe cơ giới số 370/2018/QĐ-PTI của Tổng Công ty Cổ phần B ngày 26/12/2018 và Hợp đồng bảo hiểm số 002OTTN+220021852 theo giấy chứng nhận bảo hiểm tự nguyện vật

chất xe số 22TN220033255 cho chủ xe là ông Lê Văn T đối với xe ô tô mang BKS 77F-003.48. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải bồi thường số tiền bằng 50% số tiền thiệt hại xảy ra là có căn cứ.

Nguyên đơn cung cấp các hóa đơn chứng minh việc khắc phục sửa chữa xe trong đó có 02 hóa đơn bán lẻ do Cửa hàng bán lẻ phụ tùng ô tô khách N1 phát hành giá trị 199.280.000đ, đây là các hóa đơn không hợp pháp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và sẽ trừ ra trong số tiền Công ty B1 đã duyệt là 614.467.828đ - 199.280.000đ và 50% tiền bồi thường sẽ là 207.593914đ.

[2.3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ khoản 2 điều 7, qui tắc bảo hiểm do PTI ban hành, PTI phải trả tiền bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ. Ông T nộp hồ sơ cho Công ty B1 vào năm 2023 nhưng đến nay vẫn chưa được bồi thường nên Công ty bảo hiểm phải có trách nhiệm trả lãi theo thỏa thuận trên. Hội đồng xét xử chấp nhận số tiền lãi từ ngày 30.12.2023 đến ngày xét xử (16.7.2025) với lãi suất tạm tính 10%/ năm trên số tiền 207.593914đ là phù hợp, số tiền lãi được chấp nhận là 31.940.500đ.

Như vậy, tổng số tiền buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải bồi thường cho ông Lê Văn T là 239.534.414đ, trong đó 207.593.914đ tiền gốc bồi thường và 31.940.500đ tiền lãi.

[2.4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng về việc chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bồi thường số tiền 239.534.414đ, trong đó 207.593.914đ tiền gốc phải bồi thường và 31.940.500đ tiền lãi, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên có cơ sở, phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Vì chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm, Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu 11.976.500đ.
- Vì không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm, ông Lê Văn T phải chịu 5.762.500đ.

*Vì các lẽ trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T đối với Tổng Công ty Cổ phần B về việc “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

2. Áp dụng:

- Điều 401, 410 Bộ luật dân sự;
- Khoản 1 Điều 17, 21, 31, 48 và Điều 49 Luật kinh doanh bảo hiểm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

\* **Xử:** Buộc Tổng Công ty Cổ phần B có nghĩa vụ bồi thường cho ông Lê Văn T số tiền 239.534.414 đồng, trong đó 207.593.914 đồng tiền gốc phải bồi thường và 31.940.500 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Lê Văn T đối với số tiền yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B bồi thường 115.259.309 đồng.

### 3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Tổng Công ty Cổ phần B phải chịu 11.976.500 đồng.- Ông Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5.762.500 đồng được trừ trong số tiền tạm ứng án phí 8.190.099 đồng ông Lê Văn T đã nộp theo biên lai thu số 0005961 ngày 08.11.2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Đà Nẵng), ông T được hoàn trả số tiền 2.427.599 đồng.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Ngọc C**

**C**